

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 5678 /UBND-KT
V/v thực hiện Nghị định số
149/2025/NĐ-CP ngày
12/6/2025 của Chính phủ

Nghệ An, ngày 18 tháng 6 năm 2025

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã.

Thực hiện Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15.

(Bản sao Nghị định kèm theo)

UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với đơn vị, địa phương có liên quan căn cứ nội dung Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ để chủ động phối hợp, triển khai thực hiện kịp thời, đúng quy định; đồng thời, tham mưu UBND tỉnh thực hiện theo quy định./.

Ơ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT (TP, Hòa).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Thanh An

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước
tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử phạt vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024 (Luật số 56/2024/QH15);

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số nội dung của Luật Ngân sách nhà nước được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15, bao gồm:

1. Phân bổ, sử dụng nguồn dự phòng, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước hằng năm và trình tự, thủ tục đầu tư, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Luật số 56/2024/QH15.

2. Sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật số 56/2024/QH15.

3. Phân bổ, giao dự toán chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, đơn vị được phân cấp quản lý vận hành khai thác, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Luật số 56/2024/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội.
2. Đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Chương II

PHÂN BỔ, SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG, NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HÀNG NĂM VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ, sử dụng nguồn dự phòng, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước hằng năm cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án

1. Đúng thẩm quyền, mục tiêu, phạm vi, đối tượng, thứ tự ưu tiên theo quy định Điều 10 và Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước.
2. Ưu tiên phân bổ vốn tập trung, đồng bộ, chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả và đảm bảo khả năng cân đối nguồn lực, công khai, minh bạch, không để thất thoát, lãng phí.
3. Địa phương nhận hỗ trợ vốn từ ngân sách cấp trên phải cân đối, bố trí đủ vốn từ ngân sách cấp mình và các nguồn tài chính hợp pháp khác để hoàn thành chương trình, nhiệm vụ, dự án theo đúng tiến độ, mục tiêu đầu tư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Phân bổ, sử dụng vốn và trình tự, thủ tục đầu tư, thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án

1. Phân bổ, sử dụng vốn thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án:

a) Đối với nguồn dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm:

Căn cứ quy định tại Điều 10 Luật Ngân sách nhà nước; trên cơ sở đề xuất bổ sung, hỗ trợ vốn từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị và địa phương để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án; Bộ Tài chính tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ (đối với ngân sách trung ương), cơ quan tài chính địa phương tổng hợp trình Ủy ban nhân dân (đối với ngân sách địa phương) quyết định sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp mình để phân bổ vốn cho cơ quan, đơn vị và địa phương theo tổng mức hoặc chi tiết từng chương trình, nhiệm vụ, dự án.

b) Đối với nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước hằng năm:

Trên cơ sở khả năng cân đối nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước hằng năm cho các nhu cầu, nhiệm vụ chi theo quy định và đề xuất bổ sung, hỗ trợ vốn từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị và địa phương để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án; Bộ Tài chính tổng hợp, bố trí vốn thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án trong phương án sử dụng số tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách trung ương trình Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Cơ quan tài chính địa phương tổng hợp, bố trí vốn thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án trong phương án sử dụng số tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất;

Căn cứ quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Thường trực Hội đồng nhân dân về phương án sử dụng số tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách, Thủ tướng Chính phủ (đối với ngân sách trung ương), Ủy ban nhân dân (đối với ngân sách địa phương) quyết định phân bổ vốn cho cơ quan, đơn vị và địa phương cấp dưới theo tổng mức hoặc chi tiết từng chương trình, nhiệm vụ, dự án;

2. Trình tự, thủ tục đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và tổ chức thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán

Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III
SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH
ĐỊA PHƯƠNG CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KẾT CẤU
HẠ TẦNG TRÊN ĐỊA BÀN THUỘC NHIỆM VỤ CHI
CỦA NGÂN SÁCH CẤP TRÊN TRỰC TIẾP; HỖ TRỢ ĐỊA PHƯƠNG
KHÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM,
LIÊN KẾT VÙNG, LIÊN KẾT QUỐC GIA, LIÊN KẾT QUỐC TẾ,
CÓ SỨC LAN TỎA, TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ -
XÃ HỘI VÀ NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG KHÁC

Điều 6. Nguyên tắc chung

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật khác có liên quan.

2. Địa phương sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác (sau đây gọi tắt là địa phương hỗ trợ) phải đảm bảo trong khả năng cân đối ngân sách địa phương và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp mình.

3. Địa phương hỗ trợ trao đổi, thống nhất với cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và địa phương nhận hỗ trợ về tổng mức chi (hoặc hỗ trợ), phương thức chi (hoặc hỗ trợ) và thời gian thực hiện.

4. Cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và địa phương nhận hỗ trợ có trách nhiệm phối hợp với địa phương hỗ trợ để xây dựng, hoàn thành dự án, công trình theo đúng tiến độ, mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch, không để thất thoát, lãng phí.

5. Phương thức chi cho các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và hỗ trợ địa phương khác thực hiện theo hình thức trực tiếp đầu tư hoặc bằng tiền.

6. Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, lập dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm đối với khoản chi cho các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và hỗ trợ địa phương khác; quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, pháp luật khác có liên quan và quy định tại Điều 7 Nghị định này.

Điều 7. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, lập dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm và quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và hỗ trợ địa phương khác

1. Theo hình thức trực tiếp đầu tư:

a) Căn cứ quy định của pháp luật về đầu tư công và nội dung trao đổi, thống nhất quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này, địa phương hỗ trợ:

Tổng hợp khoản chi cho các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và hỗ trợ địa phương khác vào kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương mình, làm cơ sở để lập dự toán chi đầu tư phát triển của địa phương hằng năm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương;

Tổ chức triển khai thực hiện dự án, công trình theo tiến độ đã trao đổi, thống nhất; quyết toán nguồn vốn hỗ trợ, quyết toán dự án hoàn thành theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện bàn giao công trình sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 8 Nghị định này;

b) Cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và địa phương nhận hỗ trợ có trách nhiệm phối hợp với địa phương hỗ trợ trong việc lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; tiếp nhận, quản lý công trình sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

2. Theo hình thức bằng tiền:

a) Căn cứ nội dung trao đổi, thống nhất quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này, địa phương hỗ trợ:

Lập dự toán chi đầu tư phát triển của địa phương hằng năm đối với khoản chi cho các dự án đầu tư trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và hỗ trợ địa phương khác, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương;

Thực hiện chuyển tiền cho cơ quan cấp trên, địa phương nhận hỗ trợ theo tiến độ thực hiện dự án, công trình, nhiệm vụ; quyết toán nguồn vốn hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp và địa phương nhận hỗ trợ có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn vốn được hỗ trợ đúng mục tiêu, đúng chế độ quy định; thực hiện quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo

quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Quản lý công trình kết cấu hạ tầng sau đầu tư

1. Công trình thuộc trung ương quản lý, sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chuyển giao, điều chuyển cho cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương để quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì; trường hợp chuyển giao, điều chuyển về địa phương quản lý thì địa phương quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Công trình thuộc địa phương quản lý, sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng dự án, công trình, Ủy ban nhân dân cấp dưới chuyển giao, điều chuyển cho cơ quan quản lý nhà nước cấp trên trực tiếp để quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì; trường hợp chuyển giao, điều chuyển về địa phương quản lý (bao gồm cả trường hợp hỗ trợ địa phương khác) thì việc chuyển giao, điều chuyển công trình và việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương IV

PHÂN BỐ, GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG, ĐƠN VỊ ĐƯỢC PHÂN CẤP QUẢN LÝ VẬN HÀNH KHAI THÁC, BẢO TRÌ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG, ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Điều 9. Đối tượng được phân bổ, giao dự toán chi ngân sách nhà nước

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Đơn vị được phân cấp quản lý vận hành, khai thác, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp để thực hiện công tác bảo trì tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, tài sản công.

4. Đơn vị được người có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và pháp luật có liên quan.

Điều 10. Trình tự và yêu cầu phân bổ, giao dự toán

1. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách, các đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và địa phương thực hiện phân bổ và giao dự toán chi ngân sách cho các đối tượng quy định tại Điều 9 Nghị định này, gửi cơ quan tài chính cùng cấp, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện.

2. Việc phân bổ và giao dự toán phải bảo đảm yêu cầu và thời gian theo quy định tại Điều 50 Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán

1. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo quy định về quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật.

2. Đề xuất dự toán, quản lý, sử dụng, hạch toán, quyết toán kinh phí được giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2025.

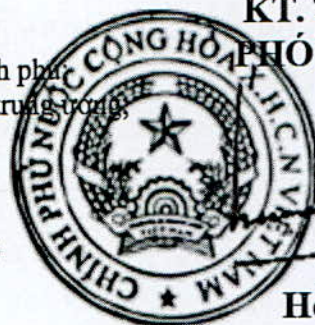
Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, về lập dự toán, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi để thực hiện các nội dung quy định tại Nghị định này, đảm bảo đúng quy định của pháp luật; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm người đứng đầu, các tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2).



TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Đức Phúc